

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2019
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Trần Thị Nhân.

+ Bà Lê Thị Kiểm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Đại Vương - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn và quá trình xét xử, chị Đỗ Thị T là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2010 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh T tại thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do kinh tế gia

đình khó khăn, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau, bên cạnh đó anh T sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T vẫn không từ bỏ được ma túy. Do vợ chồng chị luôn xảy ra mâu thuẫn, chị không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T được nữa nên tháng 10/2013 chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị sống từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh T.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/5/2019 và tại biên bản hoà giải ngày 25/6/2019 anh Nguyễn Văn T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị T trình bày. Nay chị T ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/02/2011. Hiện nay cháu Khôi đang ở với chị T, khi ly hôn chị T xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T nhất trí với ý kiến của chị T.

Về con riêng: Trước khi kết hôn với chị T, anh T đã có hai con riêng với chị Đỗ Thị T (chị T chết năm 2009) là cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2003. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh Tg. Khi ly hôn chị T và anh T không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T và chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị T. Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/02/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Thoa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Thắng là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đồng Thái, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn 25/03/2010 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau, bên cạnh đó anh T sử dụng ma túy, chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T vẫn không từ bỏ được ma túy. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị T không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T được nữa, cho đến tháng 10/2013 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ chị sống từ đó cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Qua tài liệu xác minh, lời thừa nhận của đương sự thì mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T có một con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/02/2011. Hiện nay cháu K đang ở với chị T, được chị T nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt, nguyện vọng của chị T xin được nuôi con chung. Do đó giao cháu K cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, lao động tự lập được, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Anh T có hai con riêng là cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Văn H, sinh năm 2003. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh T. Khi ly hôn chị T và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/02/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001538 ngày 06 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt